

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12- CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2025
V/v Tranh chấp ly hôn,
chia tài sản chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Thanh Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Qui

Bà Hồ Thị Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Trương Thanh Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 154/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Bùi Huỳnh L, sinh năm: 1989; Địa chỉ: Khóm C, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường N, thành phố Cần Thơ) (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị Cẩm N, sinh năm: 1999; Địa chỉ: ấp L, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn ông Bùi Huỳnh L trình bày:

Ông Bùi Huỳnh L và bà Đỗ Thị Cẩm N sống chung, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào ngày 31/12/2024, tuy nhiên chưa đăng ký kết hôn, chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Trong thời gian chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cự cãi từ đó làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Vợ chồng chỉ sống chung được với nhau được 19 ngày. Nhận thấy vợ

chồng thật sự không còn tình cảm nên không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng được nữa nên ông L yêu cầu ly hôn với bà N.

Về con chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Có vàng cưới bao gồm 01 dây chuyền 2,5 chỉ vàng 24k, 01 lắc tay 02 chỉ vàng 24k, 01 đôi bông tai 0,5 chỉ vàng 18k, 01 nhẫn vàng 18k, 04 nhẫn 02 chỉ vàng 24k, hiện các tài sản trên do bà N đang giữ. Theo đơn khởi kiện, ông L yêu cầu chia đôi số vàng nêu trên, tại phiên tòa sơ thẩm, ông L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu chia 01 đôi bông tai 0,5 chỉ vàng 18k, 01 nhẫn vàng 18k. Ông L chỉ yêu cầu chia đôi 01 dây chuyền 2,5 chỉ vàng 24k, 01 lắc tay 02 chỉ vàng 24k, 04 nhẫn 02 chỉ vàng 24k.

Bị đơn bà Đỗ Thị Cẩm N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do, Tòa án cũng đã nhiều lần liên hệ nơi cư trú của bị đơn để tiến hành lấy khai nhưng không thể tiến hành lấy ý kiến của bà Đỗ Thị Cẩm N về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ phát biểu:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Huỳnh Lưu. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Bùi Huỳnh L và bà Đỗ Thị Cẩm N. Về tài sản chung: Ông Bùi Huỳnh L được nhận số tiền 38.025.000 đồng. Bà Đỗ Thị Cẩm N được nhận số tiền 38.025.000 đồng. Buộc bà Đỗ Thị Cẩm N có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Huỳnh L số tiền 38.025.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Huỳnh L đối với số vàng 01 đôi bông tai 0,5 chỉ vàng 18k, 01 nhẫn vàng 18k. Về con chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung”, bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn thị xã L (nay thuộc phường L) nên Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ giải quyết là đúng thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Đỗ Thị Cẩm N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Huỳnh L khai giữa ông và bà N sống chung từ khoảng cuối năm 2024 nhưng không đăng ký kết hôn. Điều này cũng phù hợp với Công văn số 78/UBND-XNTTHN ngày 14/5/2025 của Ủy ban nhân

dân phường A, thị xã N xác định ông Bùi Huỳnh L chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống ông bà hạnh phúc nhưng về sau ông bà xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc nên ông L và bà N chỉ sống chung được 19 ngày. Ông L yêu cầu ly hôn, bà N không có ý kiến phản đối. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa ông bà là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận không công nhận ông Bùi Huỳnh L và bà Đỗ Thị Cẩm N là vợ chồng.

[2.2] Về tài sản:

[2.2.1] Về nguồn gốc tài sản: Ông Bùi Huỳnh L cho rằng tài sản chung của vợ chồng bao gồm 01 dây chuyền 2,5 chỉ vàng 24k, 01 lắc tay 02 chỉ vàng 24k, 01 đôi bông tai 0,5 chỉ vàng 18k, 01 nhẫn vàng 18k, 04 nhẫn 02 chỉ vàng 24k, hiện các tài sản trên do bà N đang giữ. Theo đơn khởi kiện, ông L yêu cầu chia đôi số vàng nêu trên, tại phiên tòa sơ thẩm, ông L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu chia 01 đôi bông tai 0,5 chỉ vàng 18k, 01 nhẫn vàng 18k nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu chia đôi 01 dây chuyền 2,5 chỉ vàng 24k, 01 lắc tay 02 chỉ vàng 24k, 04 nhẫn 02 chỉ vàng 24k, Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào lời khai của người làm chứng Nguyễn Thị Thùy D là người trực tiếp đại diện diện gia đình nhà trai trình vàng tại lễ cưới xác định có số vàng nêu trên. Đồng thời, căn cứ vào kết quả hòa giải tại ấp L, xã L thì chính quyền ấp L có tổ chức hòa giải ngày 23/3/2025 trên cơ sở đơn yêu cầu hòa giải ngày 04/3/2025 của ông Bùi Huỳnh L trong đó ông L có yêu cầu hòa giải đối với số vàng nêu trên. Theo biên bản hòa giải ngày 23/3/2025 bị đơn bà N trình bày “sau khi cưới thì vợ chồng có xích mích với nhau, anh L đánh đập tôi nhiều lần, mỗi lần đánh là đóng cửa lại. Tôi thấy vậy, tôi ở không được mới bỏ anh L về cha mẹ ruột ở cho đến nay”. Đồng thời, trong biên bản hòa giải nêu trên có thể hiện việc ông L đòi lại số vàng cưới nhưng bà N không đồng ý dẫn đến kết quả hòa giải không thành.

Từ những căn cứ nêu trên, khi các bên tổ chức lễ cưới có phát sinh số vàng cưới gồm 01 dây chuyền 2,5 chỉ vàng 24k, 01 lắc tay 02 chỉ vàng 24k, 04 nhẫn 02 chỉ vàng 24k là sự thật.

[2.2.2] Về phân chia tài sản: Quá trình giải quyết vụ án ông L yêu cầu được phân chia đôi 01 dây chuyền 2,5 chỉ vàng 24k, 01 lắc tay 02 chỉ vàng 24k, 04 nhẫn 02 chỉ vàng 24k. Hội đồng xét xử nhận định, căn cứ vào khoản 1 Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “Quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn được giải quyết theo thỏa thuận giữa các bên; trong trường hợp không có thỏa thuận thì giải quyết theo quy định của Bộ luật dân sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan”, khoản 1 Điều 209 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “Sở hữu chung theo phần là sở hữu chung mà trong đó phần quyền sở hữu của mỗi chủ sở hữu được xác định đối với tài sản chung”. Xét mối quan hệ của ông L và bà N là sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử

thống nhất mỗi bên được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản.

Căn cứ vào giá vàng vào thời điểm xét xử, vàng 24k có giá 11.700.000 đồng/chỉ. Tổng giá trị tài sản tranh chấp là 6,5 chỉ x 11.700.000 đồng/chỉ = 76.050.000 đồng. Như đã phân tích nêu trên, mỗi bên được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản, tương ứng số tiền 38.025.000 đồng. Bị đơn bà N đang giữ tài sản nên có trách nhiệm trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản cho nguyên đơn ông L.

[2.3] Về con chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Bùi Huỳnh L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Về án phí chia tài sản: Ông Bùi Huỳnh L, bà Đỗ Thị Cẩm N phải chịu án phí trên giá trị được chia.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 16, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Huỳnh Lưu .

[2] Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Bùi Huỳnh L và bà Đỗ Thị Cẩm N.

[3] Về tài sản chung:

- Ông Bùi Huỳnh L được nhận số tiền 38.025.000 đồng (Ba mươi tám triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Bà Đỗ Thị Cẩm N được nhận số tiền 38.025.000 đồng (Ba mươi tám triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Buộc bà Đỗ Thị Cẩm N có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Huỳnh L số tiền 38.025.000 đồng (Ba mươi tám triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Huỳnh L đối với số vàng 01 đôi bông tai 0,5 chỉ vàng 18k, 01 nhẫn vàng 18k.

[4] Về con chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí sơ thẩm:

- Về án phí hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn ông Bùi Huỳnh L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo lai thu số 0002840 lập ngày 23 tháng 5 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 – Cần Thơ).

- Về án phí chia tài sản:

Bà Đỗ Thị Cẩm N phải chịu số tiền 1.901.250 đồng (Một triệu, chín trăm lẻ một nghìn, hai trăm năm mươi đồng).

Ông Bùi Huỳnh L phải chịu số tiền 1.901.250 đồng (Một triệu, chín trăm lẻ một nghìn, hai trăm năm mươi đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 1.440.000 đồng (Một triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) đã nộp theo lai thu số 0002847 lập ngày 27 tháng 5 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 – Cần Thơ). Ông Bùi Huỳnh L phải nộp thêm số tiền 461.250 đồng (Bốn trăm sáu mươi một nghìn, hai trăm năm mươi đồng).

[6] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[7] Nguyên đơn ông Bùi Huỳnh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/9/2025). Bị đơn bà Đỗ Thị Cẩm N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 12 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 12 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thanh Quyền